TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày 24-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2021/TLST–DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST – DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số A, đường LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại D theo ủy quyền của Ngân hàng N tham gia tố tụng: Ông Lê Tấn N – Trưởng phòng kế hoạch – kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện Năm Căn. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.*

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Ông Nguyễn Văn P sinh năm 1962 (có mặt) và bà Lý Thị B (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CMA, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Nguyễn Thị N, 51 tuổi (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CH, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;

+ Ông Nguyễn Văn C (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Bà Tô Thị T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Nguyễn Chí G, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

+ Nguyễn Chí D, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Người đại D hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Tô Thị T (cha mẹ cháu D) - (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp CM, xã HR, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng N và người đại D theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/5/2019 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV – 201901898 với ông Nguyễn Văn P1, cụ thể: Tổng mức cấp tín dụng tối đa 227.000.000 đồng; lãi suất cho vay 10%/năm; mục đích vay chi phí nuôi tôm; thời gian cho vay 24 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; P thức cho vay theo hạn mức tín dụng.

Để đảm bảo hợp đồng trên, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn và ông Nguyễn Văn P1 ký kết 01 hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H–50/2013/HĐTC ngày 18/4/2013. Quyền sử dụng đất số B072333 do ông Nguyễn Văn P1 đứng tên, D tích 27.150m^2, thửa 139, 156, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc ấp Chống Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị tài sản thế chấp 568.000.000 đồng, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ 284.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tính đến ngày 25/5/2021 tổng dư nợ của ông Nguyễn Văn P1 tạm tính là 279.943.863 đồng, trong đó nợ gốc 227.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 46.643.836 đồng và lãi quá hạn 6.300.027 đồng. Hiện ông P1 đã chết, Ngân hàng nhiều lần đến làm việc với các con của ông P1 thì ông Nguyễn Văn Đ chấp nhận đứng ra trả hết phần nợ nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Nay Ngân hàng N yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 thanh toán toàn bộ số tiền vay tạm tính đến hết ngày 23/02/2022 là 299.826.575 đồng, trong

đó nợ gốc 227.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 63.684.383 đồng và lãi quá hạn 9.142.192 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến khi hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

Trường hợp những người hưởng thừa kế của ông P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu được xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ vay gốc và các khoản lãi suất phát sinh cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày*: Ông xác định lời trình bày trên của nguyên đơn về việc ông P1 ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền vay và nợ là hoàn toàn đúng sự thật.

Về nguồn gốc phần đất thế chấp cho Ngân hàng là của ông Nguyễn Văn P1 và bà Huỳnh Thị T1 (cha mẹ của ông), ông P1 chết năm 2019, bà T1 chết năm 2017 và không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ gồm có 07 người con tên: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ. Phần đất này hiện do ông Nguyễn Văn Đ cùng vợ tên Tô Thị T, con tên Nguyễn Chí D sinh năm 2005 và 02 con còn nhỏ đang quản lý, sử dụng.

Trong gia đình, anh em đã thống nhất giao cho ông đứng tên quyền sử dụng để tìm cách trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện ông P chưa thống nhất giao cho ông đứng tên nên đến nay chưa trả nợ cho Ngân hàng được.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P trình bày:* Ông xác định lời trình bày trên của ông Nguyễn Văn Đ là đúng. Khi cha mẹ chết thì không để lại di chúc. Sau khi cha mẹ thế chấp cho Ngân hàng thì có tặng cho ông 01 nền đất ngang 05m, dài 15m, việc tặng cho có làm giấy, có chính quyền địa phương xác nhận và ông cất nhà bằng cây gỗ địa phương sống cùng vợ tên Lý Thị B, con tên Nguyễn Chí G cho đến nay. Hiện hoàn cảnh gia đình ông cũng khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng; ông đồng ý lấy đất của cha mẹ cầm cố hoặc cho thuê để trả nợ cho Ngân hàng, riêng ông không đồng ý trả nợ. Thời gian gần đây ông Đ đi làm giấy chứng nhận nhưng ông yêu cầu giao lại cho ông mặt tiền ngang 6m dài 50m hoặc 03 công đất của cha mẹ để lại để làm thổ cư sinh sống nhưng ông Đ không đồng ý.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T trình bày:* Thống nhất lời trình bày trên của ông Đ là đúng sự thật. Nay thống nhất ý kiến ông Đ đưa ra.

- Ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

+ Về nội dung đề xuất: Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ và những người

hưởng thừa kế của ông P1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng là 299.826.575 đồng, trong đó nợ gốc 227.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 63.684.383 đồng và lãi quá hạn 9.142.192 đồng tạm tính đến ngày 23/02/2022. Trường hợp những người hưởng thừa kế của ông P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì được xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, bà Lý Thị B, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Chí G được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được lập giữa các bên đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 06/5/2019 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV – 201901898 với ông Nguyễn Văn P1, cụ thể: Tổng mức cấp tín dụng tối đa 227.000.000 đồng; lãi suất cho vay 10%/năm; mục đích vay chi phí nuôi tôm; thời gian cho vay 24 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H–50/2013/HĐTC ngày 18/4/2013. Ngân hàng đã giải ngân số tiền gốc 227.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn P1 nhận.

Việc thỏa thuận, ký kết Hợp đồng, khế ước nhận nợ là có thật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến khi ông P1 chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 nhiều lần được Ngân hàng làm việc, động viên việc trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện như đã cam kết. Đến nay dư nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nguyên đơn xác định hiện nay ông P1 còn nợ Ngân hàng 227.000.000 đồng tiền gốc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 gồm: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ chấp nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền nêu trên đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Do đó, yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

Các đương sự thừa nhận ông P1 thế chấp quyền sử dụng đất hơn 20 năm nay và đáo hạn lại nhiều lần, cho thấy đây là số nợ chung của ông P1 và bà T1 khi còn sống.

[3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi tính đến ngày 23/02/2022 gồm lãi trong hạn 63.684.383 đồng và lãi quá hạn

9.142.192 đồng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà T1 chết năm 2017 và ông P1 chết năm 2019, không để lại di chúc. Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự thì những người hưởng thừa kế của bà T1 và ông P1 gồm: bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho ông P1 và bà T1 trong phạm vi di sản do ông P1 và bà T1 để lại.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số H–50/2013/HĐTC ngày 18/4/2013 giữa nguyên đơn với ông P1 được chứng thực đúng quy định về tài sản thế chấp nên được công nhận. Quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng là tài sản chung của ông P1 và bà T1. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trong trường hợp những người hưởng thừa kế của ông P1 và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P1 đứng tên quyền sở hữu.

[6] Ngoài ra, trường hợp bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn P1 là phù hợp.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật bằng 14.991.328 đồng (299.826.575 đồng x 5%) và 1.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ chỉ chịu án phí và chi phí tố tụng trong phạm vi di sản của ông P1 và bà T1 để lại. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng nên được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 342, Điều 351, Điều 355, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 299, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và lãi là 299.826.575 đồng tính đến ngày 23/02/2022. Trong đó bao gồm nợ gốc 227.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 63.684.383 đồng và nợ lãi quá hạn 9.142.192 đồng.

Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ chỉ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn P1 và bà Huỳnh Thị T1 để lại.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày ban hành bản án, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 139, 156, tờ bản đồ số 09, D tích 27.150m^2 tọa lạc Ấp Chống Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn), tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn P1 đứng tên giấy chứng nhận được UBND huyện Ngọc Hiển cấp ngày 23/10/1993.

Trường hợp bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C và ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn P1, đất thuộc thửa 139, 156, tờ bản đồ số 09, D tích 27.150m^2 tọa lạc Ấp Chống Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Ngọc Hiển (nay là huyện Năm Căn), tỉnh Cà Mau.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ giao trả lại cho Ngân hàng N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà X, ông P, ông T, bà N, bà L, ông C

và ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu là 14.991.328 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 6.999.000 đồng cho Ngân hàng N theo biên lai thu tiền số 0007713 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ chỉ chịu án phí và chi phí tố tụng nêu trên trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn P1 và bà Huỳnh Thị T1 để lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên